

Bản án số: 38/2024/ DS-ST

Ngày 29/8/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Khánh Ly, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:168/2024/QĐXXDS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-DS, ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V sau đây viết tắt (V1).

- Người đại diện theo uỷ quyền ông Vũ Văn T – chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản uỷ quyền số 873/2024/UQ-KHCN, ngày 05/3/2024 (có mặt).

Địa chỉ: V1, Tầng D, số B đường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi thường trú: Làng Đồng, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Chị Giáp Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi thường trú:Ngọc Yên N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai tiếp theo đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: ông Nguyễn Văn B và bà Giáp Thị H có ký Hợp đồng số LN 2308039901728, ngày 10/8/2023 vay của Ngân hàng V1 số tiền 780.000.000đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) và được giải ngân kèm theo khế ước nhận nợ, ký ngày 10/8/2023. Số tiền giải ngân là 780.000.000đồng, thời hạn cho vay 01 năm, mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn, mở rộng, phát triển kinh doanh, buôn chuyển cảm, lãi

suất trong hạn 12,5%/1 năm lãi suất trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời gian cố định lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần; n Kỳ trả nợ vào ngày 15 hàng tháng.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 09/8/2022.

Hạn mức đề nghị 20.000.000đồng. Loại thẻ: S; mục đích vay phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên Hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC - 2022, ngày 13/7/2022 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 54. Địa chỉ Kim T1, V, T, Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 040397, số vào sổ cấp GCN 05960 do UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/11/2017; cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu, sử dụng ngày 22/6/2022;

Quá trình thực hiện hợp đồng ông B, bà H mới trả được số tiền lãi là 23.129.437 đồng; tiền gốc chưa trả. Đến ngày 15/12/2023 ông B, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông B, bà H không trả. Tính đến ngày 29/8/2024 ông B, bà H còn nợ số tiền:

Nợ gốc = 780.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn = 104.262.526 đồng.

Thẻ tín dụng = 5.900.000 đồng.

Tổng số tiền còn nợ: 890.162.526 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà H trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng số LN 2308039901728 ký ngày 10/8/2023 trên. Yêu cầu tính lãi theo đúng thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông B, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ các khoản nợ cho V1 thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC - 2022, ngày 13/7/2022 là đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 54. Địa chỉ Kim T1, V, T, Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 040397, số vào sổ cấp GCN 05960 do UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/11/2017; cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu, sử dụng ngày 22/6/2022.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, Toà án triệu tập nhiều lần nhưng anh B, chị H không đến làm việc. Qua xác minh tại địa phương được biết anh B, chị H đã ly hôn tháng 2/2024, sau khi ly hôn anh B đi làm ăn thỉnh thoảng mới về địa phương Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B không về làm việc, và cũng không có ý kiến phản đối việc Ngân hàng kiện đòi tiền; chị H đã về nhà bố mẹ đẻ là ông Giáp Văn H1, bà Ngô Thị C, ở thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang sinh sống. hiện tại. chị đi làm công ty không có nhà, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Toà án ông, bà C đã giao cho chị H, và gọi điện cho chị H, chị cho biết vợ chồng anh, chị có vay Ngân hàng V1 số tiền 780.000.000đồng, vay 20.000.000đồng thẻ tín dụng là đúng. Khi vay có ký hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC -2022 thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 428, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vay mới trả được số tiền lãi là 23.129.437 đồng; nợ gốc chưa trả. Tính đến ngày 29/8/2024 chị và anh B còn nợ số tiền gốc = 780.000.000đồng; Nợ lãi, và thẻ tín dụng như Ngân hàng tình bày là đúng.

Đến tháng 2/2024 chị và anh B ly hôn. Tại quyết định thuận tình ly hôn số 35/2024/HNGĐ-ST, ngày 28/02/2024 đã giải quyết việc ly hôn, con chung giữa chị và anh B, còn tài sản chung, nợ chung chị và anh B chưa giải quyết. Nay Ngân hàng yêu cầu chị và anh B cùng chịu trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng. Chị xác định đây là khoản nợ chung của chị và anh B nên cả hai cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Trường hợp anh, chị không trả được tiền cho Ngân hàng thì chị đồng ý để Ngân hàng kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi tiền trả Ngân hàng. Ngoài ra chị không có ý kiến gì nữa.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật không đến làm việc, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

+ *Về đường lối giải quyết:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc anh Nguyễn Văn B, chị Giáp Thị H liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng V1, Bắc Giang số tiền gốc là 780.000.000đồng, tiền lãi trong và quá hạn tính đến ngày 29/8/2024 là 104.262.526đ; nợ thẻ tín dụng 5.900.000đồng; tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 890.162.526 đồng. anh B, chị H mỗi người phải trả: 445.081.263đồng

Trường hợp anh B, chị H không trả đầy đủ các khoản nợ cho V1 thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của anh B, chị H để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất đôi với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 54. Địa chỉ Kim T1, V, T, Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 040397, số vào sổ cấp GCN 05960 do UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/11/2017; cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu, sử dụng ngày 22/6/2022. Theo Hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC -2022, ngày 13/7/2022; chi tiết hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC -2022, ngày 13/7/2022 số công chứng 4281, quyền số 3/2022/TP/CC-SCC/HĐGC ký ngày 13/7/2022 tại Văn phòng C1.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí.

Ông B, chị H phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định tại khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/NQ-QH-14 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện anh Nguyễn Văn B và chị Giáp Thị H trả tiền theo hợp đồng cho vay số: LN 2308039901728 ngày 10/8/2023. Xác định Nguyên hàng TMCP Việt Nam V là nguyên đơn: anh B, chị H là bị đơn: quan hệ tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", bị đơn anh B, chị H có hộ khẩu thường trú tại T, tỉnh Bắc Giang căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn B và chị Giáp Thị H đã ly hôn tháng 2/2024 chị H về xã C, huyện T ở, anh B không có mặt tại địa phương qua xác minh tại địa phương và người thân anh B nhưng không xác định được nơi cư trú và làm việc mới của anh B, xác định anh B cố tình dấu địa chỉ mà không thông báo nơi cư trú, làm việc mới cho phía nguyên đơn, theo khoản 3, điều 40, điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự: Tòa án căn cứ điểm a, khoản 2 điều 6, nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lấy địa chỉ nơi cư trú trong hợp đồng cho vay để niêm yết xét xử vắng mặt. Chị H đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị H.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Giáp Thị H trả tổng số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số LN 2308039901728 là 890.126.526 đồng, trường hợp anh B, chị H không trả hết nợ thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC -2022 có số công chứng 4291 quyền số 03/2022/TP/CC/HĐGC ký ngày 13/7/2022 tại văn phòng C1.

HĐXX xét thấy ngày 10/8/2023 anh Nguyễn Văn B, chị Giáp Thị H có ký hợp đồng tín dụng số LN 2308039901728 với Ngân hàng V1 vay số tiền 780.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn, mở rộng, phát triển kinh doanh buôn chuyên cảm, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm. Được ngân hàng giải ngân ngày 10/8/2023. Để đảm bảo cho khoản vay anh B, chị H có ký hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC-2022, ngày 13/7/2022 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 54, diện tích đất 500m² địa chỉ thửa đất Kim Tràng, V, T, Bắc Giang. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 040397 số vào sổ cấp giấy CN 05960 do UBND huyện T cấp ngày 15/11/2007, cập nhật thay đổi thông tin chủ sử hữu, sử dụng ngày 22/6/2022.

Hạn trả nợ lãi theo định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ trả nợ lần đầu vào ngày 15/9/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh B, chị H trả Ngân hàng số tiền lãi là 23.129.437 đồng. Đến ngày 15/01/2024 anh B, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2024 là 890.162.526 đồng.

Xét thấy mặc dù ông B không có mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập nhiều lần anh không đến làm việc, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh B cũng không chấp hành, cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện đòi tiền của Ngân hàng, không cung cấp bất cứ chứng cứ gì chứng minh việc thanh toán trả tiền cho Ngân hàng phía chị H xác nhận có nợ Ngân hàng như Ngân hàng khởi kiện là đúng.

HĐXX căn cứ vào hợp đồng vay vốn, đơn xin vay vốn, kế ước nhận nợ ...các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều có chữ ký của anh B, chị H. Do đó có căn cứ khẳng định anh Nguyễn Văn B, chị Giáp Thị H ký hợp đồng tín dụng số LN 2308039901728, ngày 10/8/2023 vay tiền của Ngân hàng V1 số tiền 780.000.000 đồng đến nay chưa trả. Đến ngày 15/01/2024 anh B, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo phân kỳ quy định tại điểm a, khoản 8 Điều I của hợp đồng cho vay. Do vậy Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu anh B, chị H trả số tiền gốc và lãi trên là có căn cứ. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh B, chị H có trách nhiệm

liên đới trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 890.162.526 đồng và trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết đến khi trả hết nợ.

Do anh B, chị H ly hôn tháng 2/2024. HĐXX xác định số tiền anh B, chị H vay của Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của anh B, chị H Vì vậy anh B, chị H cùng phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Về hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC - 2022, ngày 13/7/2022 đã ký kết giữa anh Nguyễn Văn B, chị Giáp Thị H với Ngân hàng. Căn cứ nội dung hợp đồng thế chấp thể hiện anh B, chị H thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 54, diện tích đất 500m² địa chỉ thửa đất Kim Tràng, V, T, Bắc Giang. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 040397 số vào sổ cấp giấy CN 05960 do UBND huyện T cấp ngày 15/11/2007, cập nhật thay đổi thông tin chủ sử hữu, sử dụng ngày 22/6/2022 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn B nên xác định thửa đất trên mua trong thời kỳ hôn nhân. Đây là tài sản của anh B, chị H. Tại hợp đồng thế chấp đã thể hiện anh B, chị H đều ký vào hợp đồng thế chấp và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận công chứng, chứng thực và đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T. Qua xem xét thẩm định tài sản tại chỗ các tài sản trên không có biến động gì. Như vậy hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tại Điều 317 Bộ luật dân sự. Do đó trong trường hợp anh B, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là phù hợp với thoả thuận của các bên ghi trong hợp đồng và phù hợp với Điều 323 Bộ luật dân sự. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì anh B, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về tiền án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh B, chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về chi phí tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp và nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định. Hội đồng xem xét thẩm định đã chi phí hết số tiền 1.500.000 đồng. Do yêu cầu phát mại tài sản được chấp nhận nên anh B, chị H phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng đã nộp.

Về quyền kháng cáo các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 91 luật tổ chức tín dụng, Điều 12 Luật Ngân hàng nhà nước, Điều 27; Điều 37 luật hôn nhân gia đình, Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1).

Buộc anh Nguyễn Văn B, chị Giáp Thị H phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng V1 số tiền gốc nợ là 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 29.8.2024 là 104.262.526 đồng (Một trăm linh tư triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng); thẻ tín dụng 5.900.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 890.162.526 đồng. Cụ thể anh B, chị H mỗi người phải trả số tiền là 445.081.126 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử anh B, chị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số LN 2308039901728, ngày 10/8/2023, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh B, chị H không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 400/HĐTC/2022, ngày 13/7/2022. Giữa anh B, chị H với Ngân hàng V1. Trường hợp phát mại tài sản không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh B, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về tiền án phí: Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.261.000 đồng (mười tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) tại biên lai số 0006806, ngày 22 -4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn B, chị Giáp Thị H mỗi người phải chịu 19.352.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về tiền chi phí thẩm định tài sản anh B, chị H mỗi người phải hoàn trả Ngân hàng số tiền 750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- THA huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh